

**CÔNG TY TNHH NTS SOLAR VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NTS SOLAR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM NTS SOLAR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109306684

**3. Ngày thành lập:** 12/08/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Cụm 8, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng lúa                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0111     |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0112     |
| 3.  | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                                                                                                                               | 0113     |
| 4.  | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0114     |
| 5.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                                                                                                                              | 0115     |
| 6.  | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0116     |
| 7.  | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 0117     |
| 8.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0119     |
| 9.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 0121     |
| 10. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                    | 0128     |
| 11. | Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0131     |
| 12. | Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm                                                                                                                                                                                                                                                                         | 0132     |
| 13. | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò                                                                                                                                                                                                                                                              | 0141     |
| 14. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa                                                                                                                                                                                                                                                        | 0142     |
| 15. | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai                                                                                                                                                                                                                                                     | 0144     |
| 16. | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                                                                                                                                                                                                                                                                        | 0145     |
| 17. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 0146     |
| 18. | Chăn nuôi khác<br>Chi tiết:<br>- Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ;<br>- Nuôi ong, nhân giống ong và sản xuất mật ong;<br>- Nuôi tằm, sản xuất kén tằm;<br>- Sản xuất da lông thú, da bò sát từ hoạt động chăn nuôi. | 0149     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                                                                                                   | 0150        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                                                                                                                                                                                                                                                    | 0161        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                                                                                                                                                                                                                                                 | 0163        |
| 22. | Xử lý hạt giống để nhân giống                                                                                                                                                                                                                                                   | 0164        |
| 23. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                               | 2740        |
| 24. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                     | 2790        |
| 25. | Sản xuất điện                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3511(Chính) |
| 26. | Truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Phân phối điện                                                                                                                                                                                                                        | 3512        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321        |
| 28. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa (trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm)                                                                                                                           | 4610        |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)                                                                                                                                                                                        | 4659        |
| 30. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                          | 4741        |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4759        |
| 32. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 33. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng)<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động... | 4799        |
| 34. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 35. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động của các nhà báo độc lập, trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, trừ hoạt động tư vấn chứng khoán)                                                               | 7490        |
| 36. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; trừ hợp báo)                                                        | 8230        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN TIẾN SỸ Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *31/01/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *240757857*  
 Ngày cấp: *06/07/2019* Nơi cấp: *Công an Tỉnh Đắk Lắk*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 59A Nguyễn Trường Tộ, Phường Ea Tam, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Số 59A Nguyễn Trường Tộ, Phường Ea Tam, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội